

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

HÀ NỘI, NGÀY 06 THÁNG 4 NĂM 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“**Luật Doanh nghiệp**”) và các quy định thực hiện Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua ngày 06/04/2016 (“**Ngày hiệu lực**”) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được ký bởi Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty, và thay thế Điều lệ của Công ty ngày 18 tháng 12 năm 2010 đã được ban hành trước Điều lệ này.

ĐỊNH NGHĨA

Trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu phải hiểu khác đi, các thuật ngữ được định nghĩa trong Điều lệ này có nghĩa như sau:

- 1) “**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- 2) “**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- 3) “**Thành Viên HĐQT**” có nghĩa là thành viên HĐQT và phụ thuộc vào ngữ cảnh là thành viên đó hoặc người thay thế hoặc người đại diện của thành viên đó phù hợp với Điều lệ này.
- 4) “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ tại Việt Nam, mà vào ngày đó các ngân hàng thông thường mở cửa để giao dịch kinh doanh ngân hàng bình thường.
- 5) “**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp và Đăng Ký Thuế**” có nghĩa là giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (Kinh doanh) của Công ty vào từng thời điểm.
- 6) “**Chủ Tịch**” có nghĩa là Chủ tịch HĐQT.
- 7) “**Vốn Điều Lệ**” là vốn điều lệ của Công ty như được ĐHĐCĐ phê chuẩn vào từng thời điểm và được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- 8) “**Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền Liên Quan Đến Công Ty**” có nghĩa là Chính phủ Việt Nam hoặc toà án, cơ quan hành chính thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân, có thẩm quyền và quyền hạn theo pháp luật Việt Nam để chỉ đạo, điều chỉnh, hướng dẫn và tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 9) “**Người Có Liên Quan**” của một người có nghĩa là, nếu áp dụng, bất kỳ người nào sau đây:
 - (a) trong trường hợp người đó là thể nhân, vợ chồng, cha mẹ, cô ruột, chú ruột, ông bà nội/ngoại, anh ruột, anh cùng cha khác mẹ/anh cùng mẹ khác cha, anh rể, chị ruột, chị cùng cha khác mẹ/chị cùng mẹ khác cha, chị dâu, em ruột, em cùng cha khác mẹ/em

cùng mẹ khác cha, em rể, em dâu, con ruột, con riêng, con rể, con dâu, cháu ngoại/nội hoặc con của cô ruột/chú ruột của người đó hoặc bất kỳ người nào có cùng hộ khẩu với người đó;

- (b) bất kỳ pháp nhân nào do một mình người đó hoặc chung với những người nêu tại mục (a) trên đây sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
 - (c) bất kỳ pháp nhân nào do một mình người đó hoặc chung với những người nêu tại mục (a) trên đây điều hành hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp;
 - (d) trong trường hợp người đó là một pháp nhân, bất kỳ ai khác được định nghĩa là “người có liên quan” của người đó theo điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp; và
 - (e) bất kỳ người nào do người đó chỉ định làm người đại diện, kể cả nhằm mục đích tham gia vào các giao dịch nào đó mà nếu bản thân người đó tham gia thì giao dịch đó sẽ trở thành một Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan.
- 10) **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ Phần VIWACO, một công ty được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật Việt Nam có Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0101624050 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2015 có địa chỉ đăng ký tại Tầng 1, nhà 17T7, Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006729 ban đầu do Sở kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 17 tháng 3 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 3 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29/9/2011) .
- 11) **“Ban Giám Đốc”** có nghĩa là Ban Giám đốc của Công ty, bao gồm các Thành viên Ban Giám đốc.
- 12) **“Thành Viên Ban Giám Đốc”** có nghĩa là Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Phó Giám đốc Tài chính và các cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm vào từng thời điểm.
- 13) **“Tổng Giám Đốc”** có nghĩa là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 14) **“Ban Kiểm Soát”** có nghĩa là ban kiểm soát của Công ty.
- 15) **“Quy Chế Nội Bộ”** có nghĩa là mọi quy chế nội bộ của Công ty không được ghi vào Điều Lệ này, được HĐQT hoặc Tổng Giám đốc Công ty thông qua vào từng thời điểm.
- 16) **“Giao Dịch Với Bên Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được ký kết giữa Công Ty và bất kỳ người nào sau đây:
- (a) thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - (b) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc hoặc Kế toán trưởng của Công ty;
 - (c) thành viên Ban Kiểm Soát của Công ty;
 - (d) cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10 phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Công ty; hoặc
 - (e) bất kỳ Người Có Liên Quan nào của bất kỳ người nào được nêu tại mục (a) đến (d) trên đây;
- và thuật ngữ “giao dịch” cũng sẽ được xem là bao gồm cả bất kỳ khoản hoa hồng hoặc khoản thanh toán tương tự hoặc lợi ích nhận được liệt kê tại mục (a) đến (e) trên đây, cho dù là từ Công ty hoặc bất kỳ Công ty Cùng Tập Đoàn nào hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ giao dịch nào được ký kết bởi Công ty hoặc bất kỳ Công Ty Cùng Tập Đoàn Viwaco nào;

- 17) "**Cổ Phần**" có nghĩa là các cổ phần phổ thông đã được phát hành và đã góp đủ trong Vốn Điều Lệ của Công ty;
- 18) "**Cổ Đông**" nghĩa là một pháp nhân hoặc một cá nhân nắm giữ ít nhất một Cổ Phần của Công ty vào từng thời điểm và được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
- 19) "**Tỷ Lệ Sở Hữu Cổ Phần**", đối với một Cổ Đông, có nghĩa là tỷ lệ phần trăm của số Cổ Phần được nắm giữ bởi Cổ Đông đó trong tổng số Cổ Phần vào từng thời điểm;
- 20) "**Kế Hoạch Kinh Doanh Hàng Năm**" có nghĩa là kế hoạch kinh doanh bao gồm ngân sách tài chính cho Công ty, trong đó đề ra các mục tiêu hoạt động và chiến lược tài chính của Công ty cho Năm Tài Chính tiếp theo, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi tiết đầy đủ về (i) tất cả các giả định doanh thu và chi phí, (ii) các khoản nêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, (iii) mỗi hạng mục quan trọng trong bảng tổng kết tài sản (là những khoản chiếm hơn 5% tổng tài sản của Các Công Ty Cùng Tập Đoàn Viwaco), (iv) lưu lượng tiền mặt đầy đủ, (v) chi phí vốn, (vi) doanh thu, (vii) các hạng mục khác ngoài bảng tổng kết tài sản, (viii) nhu cầu thị trường (bao gồm cả nhu cầu nước sinh hoạt, nhu cầu nước phi sinh hoạt, và phạm vi dịch vụ), (ix) sản lượng (bao gồm cả công suất nhà máy xử lý nước và lập kế hoạch sản lượng) và (x) nước thất thoát.

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC, TÊN VÀ TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

- 1.1 Công ty thuộc hình thức Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO**

Tên tiếng Anh: **VIWACO JOINT STOCK COMPANY.**

Tên viết tắt: **VIWACO.,JSC.**

- 1.2 Trụ sở chính đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Tầng 1, nhà 17T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- 1.3. Chi nhánh của Công ty:

Tên chi nhánh: **Chi nhánh Công ty cổ phần VIWACO - Trung tâm Cơ điện**

Địa chỉ: Trạm tiếp áp khu D, ngõ 9 Đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 2.1. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề sau:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
 - + Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

- Các ngành nghề kinh doanh khác mà Công ty đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 2.2 Công ty sẽ chỉ tiến hành hoạt động kinh doanh và công việc của Công Ty theo Ngành nghề kinh doanh. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

ĐIỀU 3: VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ là **80.000.000.000** VND (bằng chữ: tám mươi tỷ đồng) được chia thành 8.000.000 (bằng chữ: tám triệu) Cổ Phần phổ thông có mệnh giá 10.000 VND (bằng chữ: mười nghìn Đồng) một cổ phần.

ĐIỀU 4: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

- 4.1 Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: tích lũy lợi nhuận Công ty thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới.
- 4.2 Việc giảm vốn điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo công ty hoạt động bình thường trong mọi trường hợp.

ĐIỀU 5: CƠ CẤU VỐN VÀ HUY ĐỘNG VỐN

- 5.1 Vào ngày của Điều lệ này được thông qua, tổng số Cổ Phần phổ thông là 8.000.000 Cổ Phần.
- 5.2 Trong trường hợp tăng Vốn Điều Lệ vào từng thời điểm, mỗi Cổ Đông có quyền đăng ký mua cổ phần mới tương ứng với số Vốn Điều lệ tăng thêm theo tỷ lệ tương ứng Tỷ Lệ Sở Hữu Cổ Phần của mình, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác đi trong một đợt đăng ký mua cụ thể bằng một quyết định thông qua bằng đa số phiếu ít nhất đạt 65% số Cổ Phần tại một phiên họp họp lệ của ĐHĐCĐ cho mục đích này, hoặc 65% tổng số Cổ Phần trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ thông qua lấy ý kiến bằng văn bản. Quyền ưu tiên mua theo Điều này sẽ được thực hiện phù hợp với quy trình nêu trong Luật Doanh nghiệp và các quyền ưu tiên mua của một Cổ Đông sẽ được xem là từ bỏ chỉ khi Cổ Đông đó thực sự đã nhận được thông báo về quyền ưu tiên mua trong vòng 20 Ngày Làm Việc kể từ ngày của thông báo đó nhưng không thực hiện quyền để thanh toán cho các cổ phần mới hoặc Cổ Đông đó thông báo chuyển nhượng các quyền ưu tiên mua của mình cho bất kỳ bên nào khác.

ĐIỀU 6: CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

Cổ đông sáng lập và tất cả các Cổ đông của Công ty sẽ được ghi cụ thể trong Sổ đăng ký Cổ đông theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: LOẠI CỔ PHẦN VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN CỔ PHẦN

- 7.1 Vào ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động, tất cả các Cổ Phần là Cổ Phần phổ thông Phụ thuộc vào chấp thuận của ĐHĐCĐ phù hợp với Điều Lệ này của Công ty có thể xác lập các loại Cổ Phần khác nhau theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 7.2 Mỗi Cổ Đông sẽ được cấp một Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Cổ Phần ghi nhận cho số Cổ Phần và loại Cổ Phần mà Cổ Đông đó nắm giữ.
- 7.3. Bất kỳ Chứng Chi Cổ Phiếu nào cũng phải có con dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Một Chứng Chi Cổ Phiếu phải nêu rõ số Cổ Phần và loại Cổ Phần mà Cổ Đông liên quan nắm giữ, tên đầy đủ của Cổ Đông đó và thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 8: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

8.1. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải thông báo ngay cho công ty và có quyền yêu cầu công ty cấp lại cổ phiếu nhưng phải trả phí cho Hội đồng quản trị công ty quy định.

8.2 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

ĐIỀU 9: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

- 9.1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điều khoản này.
- 9.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này với giá trị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

ĐIỀU 10: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- 10.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong các trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
- 10.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.
- 10.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

- 11.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 9,10 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

- 11.2 Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 9,10 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
- 11.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

ĐIỀU 12: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

- 12.1 Sổ đăng ký cổ đông được lập ngay sau khi Công ty đăng ký kinh doanh.
- 12.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở Công ty hoặc tại một văn phòng Luật sư tùy theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.
- 12.3 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp.

ĐIỀU 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 13.1 Sở hữu một phần tài sản của Công ty tương ứng với phần vốn góp vào vốn Điều lệ của Công ty, được chia lợi nhuận hoặc chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn vào Công ty.
- 13.2 Được tham dự Đại hội đồng cổ đông và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 13.3 Được nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
- 13.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty;
- 13.5 Trong trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật;
- 13.6 Tuân theo Điều lệ Công ty, giữ bí mật của Công ty, không làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích khác của Công ty. Không tiết lộ cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về hoạt động của Công ty trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc khi được phép bằng văn bản của Hội đồng quản trị;
- 13.7 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- 13.8 Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 13.9 Chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm Điều lệ này gây ra cho Công ty hoặc thành viên khác;
- 13.10 Bất kỳ một cổ đông nào trước khi tham gia Công ty phải có văn bản cam kết như sau:
 - + Tán thành Điều lệ Công ty
 - + Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này trước bất cứ cơ quan tài phán nào.

Trong trường hợp chưa có văn bản cam kết mà vẫn tham gia Công ty sẽ được coi như cổ đông đó đã tán thành Điều lệ Công ty và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ trước bất cứ cơ quan tài phán nào.

- 13.11. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định nào khác của Điều lệ, các Cổ đông có quyền cầm cố, thế chấp Cổ phần thuộc sở hữu của mình để làm tài sản bảo đảm cho việc vay vốn để sở hữu chính Cổ Phần của mình trong Công ty.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 14: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- 14.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

- 14.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

14.2.1 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán; quyết định nguyên tắc định giá cổ phần và quyết định mức cổ tức hàng năm;

14.2.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

14.2.3 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên gây ra thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

14.2.4 Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

14.2.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

14.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

14.2.7 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

14.2.8 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

14.2.9 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

- 14.3 Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và được triệu tập họp:

14.3.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc

14.3.2 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng hoặc của Ban Kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý

- 14.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu được quy định tại Điều 14.3.2 nêu trên.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì chậm nhất 30 ngày sau đó, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều

lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Nếu Ban Kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 14.3.2 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty thanh toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

14.5 Tất cả các cuộc họp của ĐHĐCĐ phải có số lượng đại biểu tham dự tối thiểu như quy định tại Điều 141 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

14.5.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

14.5.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 14.5.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

14.5.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 14.5.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

14.6 Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

14.6.1 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g) Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

14.6.2 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 14.6.1 và Điều 14.6.3;

- 14.6.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- 14.6.4 Bất kỳ quyết định nào của ĐHĐCĐ cũng sẽ phải được thông báo cho các Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trong thời gian 15 ngày sau khi quyết định đó được thông qua.
- 14.7 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- 14.7.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Điều lệ này;
- 14.7.2 Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 14.7.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
- 14.7.4 Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 14.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là người chủ trì phiên họp Đại hội đồng. Những người tham gia họp cử một thư ký ghi biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban Kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.
- 14.9 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
- 14.9.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 14.9.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết

định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

14.9.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- (b) Mục đích lấy ý kiến;
- (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

14.9.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

14.9.5 Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

14.9.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (e) Các quyết định đã được thông qua;
- (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về

các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 14.9.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 14.9.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 14.9.9 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 15: BIÊN BẢN

- 15.1 Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị được ghi vào Biên bản.
- 15.2 Các báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị cũng được lưu giữ cùng báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và những văn bản gốc khác theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 15.3 Biên bản các cuộc họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp.
- 15.4 Trừ những người theo quy định của pháp luật đương nhiên có quyền xem Biên bản và các tài liệu theo Điều 15.2, những người khác muốn xem Biên bản và những tài liệu này được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 15.5 Biên bản và các tài liệu khác theo Điều 15.2 được lưu giữ cùng với Sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 16: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 16.1 HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ có 5 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 16.2 Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử toàn bộ số ứng viên HĐQT.
- 16.3 Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.
- 16.4 Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - 16.4.1 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
 - 16.4.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;

- 16.4.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 16.4.4 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật.
- 16.4.5 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 16.4.6 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ những giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- 16.4.7 Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 16.4.8 HĐQT sẽ bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; Kế Toán Trưởng và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT. HĐQT có thể quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định lương và các lợi ích khác cho các chức danh này.
- 16.4.9 Kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt về mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
- 16.4.10 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 16.4.11 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tổ chức hoạt động và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Nhà nước, và Đại hội đồng cổ đông công ty và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo này.
- 16.4.12 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 16.4.13 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 16.4.14 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- 16.4.15 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 16.4.16 Quyết định mua lại không quá **10%** số cổ phần đã bán;
- 16.4.17 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- 16.4.18 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Công ty, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
- 16.4.19 Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Công ty.
- 16.4.20 Các quyền và nghĩa vụ khác nhau theo quy định tại Điều lệ này.
- 16.5 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác nhau. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 16.6 Cuộc họp và quyết định của HĐQT
- 16.6.1 Các cuộc họp thường kỳ. Các cuộc họp thường kỳ của HĐQT sẽ được tổ chức trên cơ sở hàng quý. Cuộc họp đó sẽ được dự kiến tổ chức vào một Ngày Làm Việc của tháng đầu tiên trong mỗi quý. Chủ Tịch phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 16.6.2 Các cuộc họp bất thường: Chủ Tịch có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường của HĐQT khi Chủ Tịch thấy phù hợp và Chủ Tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám đốc Công ty;
 - (b) Ít nhất 2 Thành Viên HĐQT;
 - (c) Ban Kiểm Soát.
- 16.6.3 Các cuộc họp HĐQT nêu tại Điều 16.6.2 phải tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại trực tiếp xảy ra đối với Công ty xuất phát từ lý do không tổ chức cuộc họp. Trong trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị của những người có thẩm quyền tại Điều 16.6.2, những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch triệu tập họp HĐQT.
- 16.6.4 Địa điểm họp. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch hoặc được sự chấp thuận của HĐQT.
- 16.6.5 Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho mỗi Thành Viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức họp, trừ trường hợp tất cả các Thành Viên HĐQT đồng ý rằng thông báo mời họp HĐQT không cần thiết phải đáp ứng điều kiện ba (03) ngày làm việc nêu tại điều khoản này. Thông báo họp HĐQT đó phải được lập bằng tiếng Việt. Các thông báo phải nêu rõ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn

đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những Thành Viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo mời họp HĐQT được gửi qua đường bưu điện, bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ đã đăng ký tại Công ty của từng Thành Viên HĐQT.

16.6.6 Số thành viên tham dự tối thiểu.

Tất cả các cuộc họp HĐQT ít nhất phải bảo đảm được số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế..
- b) Nếu số lượng Thành Viên HĐQT dự họp tối thiểu theo quy định trên không hội đủ trong vòng 30 phút kể từ thời gian đã được xác định để tổ chức cuộc họp thì cuộc họp sẽ được hoãn sang cùng giờ và địa điểm vào 7 ngày sau đó và có cùng chương trình nghị sự, và Công Ty sẽ phát hành một thông báo về cuộc họp được tổ chức lại trong đó xác định ngày và giờ để tổ chức cuộc họp đó và gửi thông báo đó cho tất cả các Thành Viên HĐQT. Cuộc họp được tổ chức lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. .

Nếu thông báo về cuộc họp được tổ chức lại đã được Công Ty đưa ra một cách hợp lệ cho các Thành Viên HĐQT và cuộc họp ban đầu trước đó được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều lệ này nhưng không bảo đảm đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, vì bất kỳ lý do nào khác trong vòng 30 phút kể từ thời điểm đã được xác định để tổ chức cuộc họp đó thì chỉ cần số lượng Thành Viên HĐQT tối thiểu bất kỳ theo quy định của pháp luật tham dự sẽ được coi là đã hội đủ số lượng thành viên HĐQT dự họp tối thiểu và có thể tiến hành công việc theo nội dung triệu tập cuộc họp ban đầu. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định nào khác tại Điều lệ này, nếu bất kỳ nội dung nào không được liệt kê cụ thể trong chương trình nghị sự của cuộc họp đầu tiên và cuộc họp được tổ chức lại, thì sẽ không có nghị quyết nào liên quan đến nội dung đó được thông qua hoặc chấp thuận tại cuộc họp được tổ chức lại, bất kể có hội đủ hay không hội đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này.

16.6.7 Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại Điều 16.6.7 (b) đến Điều 16.6.7 (c), mỗi Thành Viên HĐQT có mặt tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b) Thành Viên HĐQT không được biểu quyết đối với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà Thành Viên HĐQT đó hoặc những Người Có Liên Quan của Thành Viên HĐQT đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

- c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của Thành Viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một Thành Viên HĐQT mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của Thành Viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới HĐQT và phán quyết của HĐQT sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành Viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- 16.6.8 Công khai lợi ích. Thành Viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến sẽ được ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp HĐQT mà HĐQT lần đầu tiên xem xét khả năng ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu Thành Viên HĐQT đó biết rằng mình có lợi ích trong hợp đồng hoặc giao dịch đó. Thành Viên HĐQT đó có thể công khai lợi ích đó tại cuộc họp HĐQT đầu tiên khi Thành Viên này biết rằng mình sẽ có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng đó.
- 16.6.9 Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số Thành Viên HĐQT có mặt (trên 50%) trực tiếp hoặc thông qua người thay thế hoặc đại diện được ủy quyền.
- 16.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào Biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị
- 16.8 Điều kiện ứng cử vào Hội đồng quản trị khi đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp:
- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trong Điều lệ của Công ty.
- 16.9 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là **05** năm. Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, Chủ tịch và Giám đốc điều hành tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới. Trong thời gian nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét bãi nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết yêu cầu. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết yêu cầu. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung khi khuyết một thành viên Hội đồng quản trị.
- 16.10 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:
- Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên trong trường hợp bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm nếu không được phép đảm nhiệm chức vụ theo quy định bắt buộc của pháp luật hoặc khi họ từ chức.

Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị không được từ chức nếu pháp luật không cho phép họ hoặc Đại hội đồng cổ đông yêu cầu thành viên đó phải giải quyết những vấn đề tồn đọng của Công ty.

- c) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty.
- 16.11 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 16.12 Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện đang là thành viên Hội đồng quản trị. Nếu thành viên đó đang nắm chức danh trong Hội đồng quản trị thì chức danh đó đương nhiên thuộc về đại diện mới của cổ đông pháp nhân đó. Khi đó, cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản đề nghị Hội đồng quản trị trước 15 ngày và chỉ thực hiện khi được Hội đồng quản trị đồng ý bằng văn bản.

ĐIỀU 17: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 17.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số thành viên Hội đồng quản trị;
- 17.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- 17.2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 17.2.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 17.2.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị ;
 - 17.2.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 17.2.5 Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 17.2.6 Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;
 - 17.2.7 Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- 17.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị:
- 17.3.1 Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;
 - 17.3.2 Theo đề nghị của Ban Kiểm soát
- 17.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 18: BAN KIỂM SOÁT

18.1 Ban Kiểm soát sẽ có ba (3) thành viên, do các Cổ đông đề cử và ĐHĐCĐ bầu với nhiệm kỳ bằng với nhiệm kỳ của HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm Soát phải có bằng tài chính hoặc kế toán. Ban Kiểm Soát sẽ chỉ định một trong các thành viên Ban Kiểm Soát làm trưởng Ban Kiểm Soát.

Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử một ứng viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử hai ứng viên.

18.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Kiểm Soát:

- Là cổ đông/đại diện cổ đông của Công ty;

- Có trình độ am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Có ít nhất một thành viên trong Ban Kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người có liên quan (theo quy định của Luật doanh nghiệp) của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và người thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật không được làm thành viên Ban Kiểm soát;

18.3 Ban Kiểm Soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

18.3.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

18.3.2 Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên **10%** cổ phần phổ thông;

18.3.3 Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

18.3.4 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

18.3.5 Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

18.3.6 Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

18.4 Việc kiểm tra quy định tại Điều 18.3.1 và Điều 18.3.2 không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- 18.5 Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

ĐIỀU 19: TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

ĐIỀU 20:

- 20.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc hoặc quyết định thuê Tổng giám đốc Công ty;
- 20.2 Tổng Giám đốc đứng đầu Ban Giám đốc Công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 20.3 ***Tổng Giám đốc Công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:***
- 20.3.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- 20.3.2 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 20.3.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- 20.3.4 Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- 20.3.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty: trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị ;
- 20.3.6 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- 20.3.7 Ký kết các hợp đồng theo phân cấp của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với một số hợp đồng cụ thể theo quy định của Hội đồng quản trị, trước khi ký kết hợp đồng, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phương án kinh tế và chỉ được thực hiện sau khi phương án này đã được phê duyệt.
- 20.3.8 Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu Hội đồng quản trị, chuẩn bị các tài liệu cho các cuộc họp HĐQT.
- 20.3.9 Sẽ gửi cho mỗi Thành Viên HĐQT, bản sao chứng thực của Công ty.
- a) các thông tin đầy đủ về tài chính và quản lý và các báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm cả, nhưng không chỉ giới hạn ở, (i) các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty và của mỗi Công ty con của Công ty (được lập trên cơ sở thống nhất với nhau) trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc mỗi Năm Tài Chính; (ii) báo cáo tài chính hàng quý chưa được kiểm toán trong vòng 30 Ngày Làm Việc sau khi kết thúc mỗi quý trong Năm Tài Chính;
- b) báo cáo hàng quý tóm tắt hoạt động, thu nhập, phí tổn, tổng đóng góp của Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo lỗ - lãi, báo cáo lưu chuyển tiền mặt,

các khoản giá nước, trợ giá, số khách hàng và thay đổi trong cơ cấu góp vốn của Công ty trong vòng 30 Ngày Làm Việc kể từ khi kết thúc mỗi quý;

- c) bất kỳ thông tin tài chính nào hoặc thông tin nào khác mà Thành Viên HĐQT có thể yêu cầu một cách hợp lý trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu bằng văn bản.

ĐIỀU 21: TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

- 21.1 Hội đồng quản trị công ty ấn định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương Công ty. Tổng Giám đốc Công ty có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức đó. Riêng đối với các chức vụ quan trọng của Công ty như Kế toán trưởng và một số chức vụ khác do Hội đồng quản trị Công ty quy định. Tổng giám đốc phải thông qua Hội đồng quản trị Công ty trước khi bổ nhiệm hay ký hợp đồng.
- 21.2 Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của Công ty. Ban giám đốc có quyền đề ra Nội quy công ty và các nhân viên Công ty phải tuân theo Nội quy Công ty. Nội quy công ty phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị Công ty trước khi ban hành.

CHƯƠNG III: TÀI CHÍNH

ĐIỀU 22: THẺ LÊ QUYẾT TOÁN, TRẢ CỔ TỨC VÀ LẬP QUỸ

- 22.1 Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm, riêng năm tài chính đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông của Công ty.
- 22.2 Việc thiết lập, duy trì và sử dụng các quỹ, bao gồm: quỹ dự phòng bắt buộc, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi sẽ được thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.
- 22.3 Sau khi quyết toán, trích lập các quỹ và thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả, Đại hội đồng Công ty quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở góp vốn. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn thanh toán để các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động Công ty.
- 22.4 Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng phần, thời hạn và hình thức chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại

của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

ĐIỀU 23: TÀI SẢN CÔNG TY, THAY THẾ CỔ ĐÔNG, GÓP VỐN LIÊN DOANH, THẾ CHẤP VÀ BÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÔNG TY

23.1 Trong trường hợp một số cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động, những người thừa kế (đối với thể nhân) hoặc những người hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) của cổ đông này phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông quá cố. Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác trong Công ty.

23.2 Tài sản của Công ty phải được sử dụng phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và chức năng của từng loại tài sản.

Các cổ đông không có quyền sở hữu riêng đối với các tài sản của Công ty, kể cả những tài sản họ đã góp vốn vào vốn điều lệ.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 24: BÁN, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY; PHƯƠNG THỨC THANH LÝ TÀI SẢN

24.1 Việc bán, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức Công ty phải được Đại hội cổ đông bất thường Công ty xem xét và chỉ được quyền quyết định nếu có nhóm cổ đông sở hữu 2/3 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tán thành.

24.2 Việc giải thể Công ty theo quy định của pháp luật

24.3 Khi giải thể Công ty, việc thanh lý tài sản Công ty theo phương thức sau

a) Đại hội đồng Công ty lập ra Ban thanh lý tài sản Công ty. Ban này hoạt động theo quy định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

b) Sau khi thanh toán hết các khoản nợ, các tài sản còn lại của Công ty được chia lại cho các cổ đông hoặc bán tài sản lấy tiền chia.

ĐIỀU 25: PHÁ SẢN CÔNG TY

25.1 Khi Công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại một thời điểm tổng số giá trị các tài sản còn lại của Công ty không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn thì Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

25.2 Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà doanh nghiệp vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Tổng Giám đốc phải thông báo với Chủ tịch Hội

đồng quản trị trong thời hạn 5 Ngày Làm Việc, và Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 10 Ngày Làm Việc để ra quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 26: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- 26.1 Mọi tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty giữa các cổ đông Công ty và giữa cổ đông với Công ty được giải quyết trước hết thông qua thương lượng hòa giải giữa các bên tranh chấp.
- 26.2 Trong trường hợp các bên không giải quyết được tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại cơ quan Tòa án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Quyết định của tòa án là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên. Bên thua kiện phải chịu mọi phí tổn.

ĐIỀU 27: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 27.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 27.2 Điều lệ này có 27 điều, và đã được Đại hội đồng Cổ Đông của Công ty thông qua ngày 06/04/2016 theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được ký bởi Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty và thay thế toàn bộ Điều lệ của Công ty ngày 18 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi trước Điều lệ này kể từ Ngày Hiệu lực.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Anh Việt

Chức vụ: Tổng Giám đốc